



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ
SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

102A Phó Cơ Điều, P.4, Q.11, TP.HCM

Số: 27/CV-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Tên tổ chức niêm yết: Công ty CP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông

Mã chứng khoán: SVT

Trụ sở chính: 102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, Tp.HCM

Điện thoại: (84.028) 39560169

Fax: (84.028) 39560893

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông xin công bố thông tin BÁO CÁO
TÀI CHÍNH BÁN NIÊN NĂM 2023 ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Đính kèm Báo cáo

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày
12 tháng 08 năm 2023 tại đường dẫn: <http://www.savitechco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

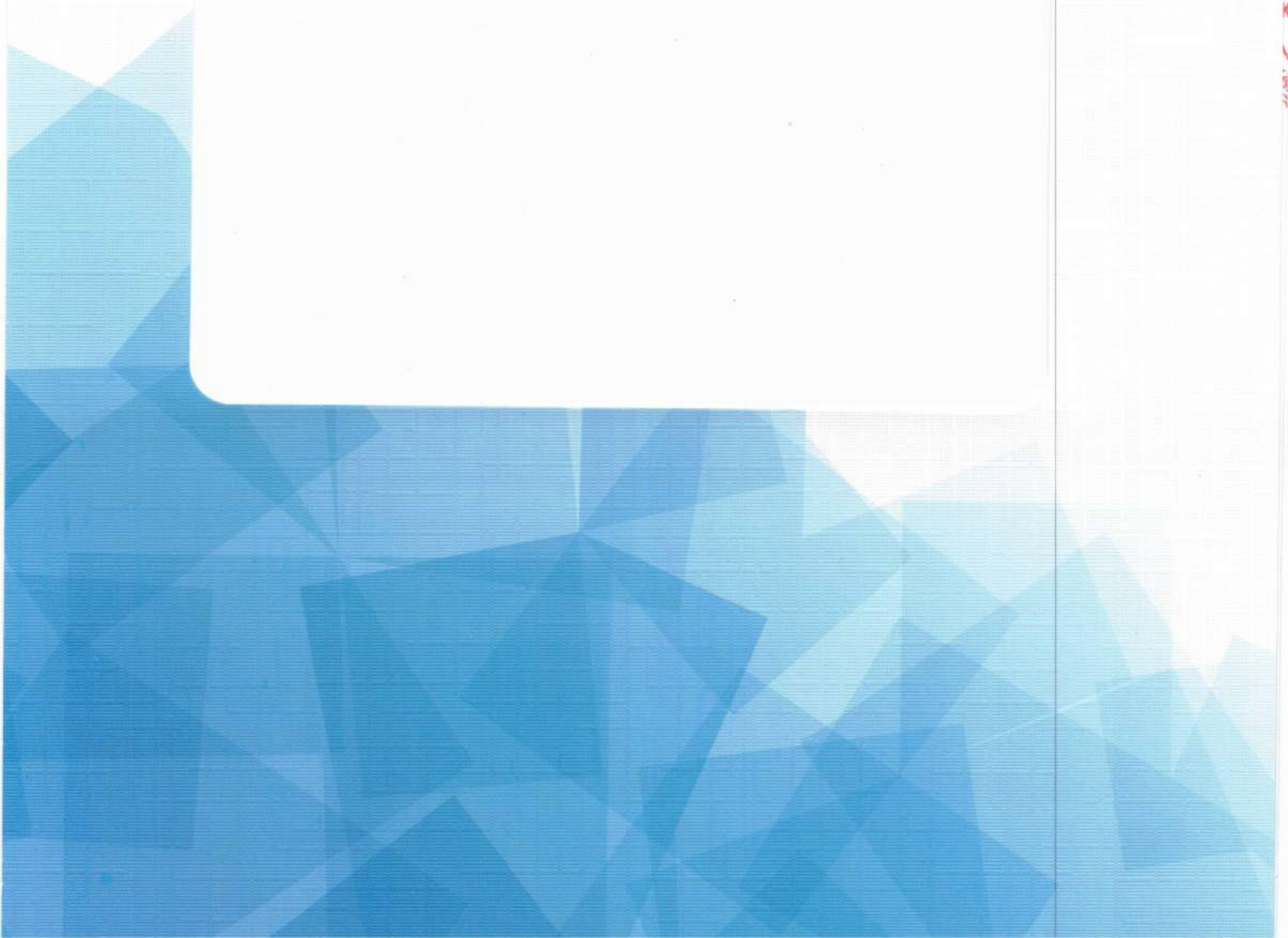
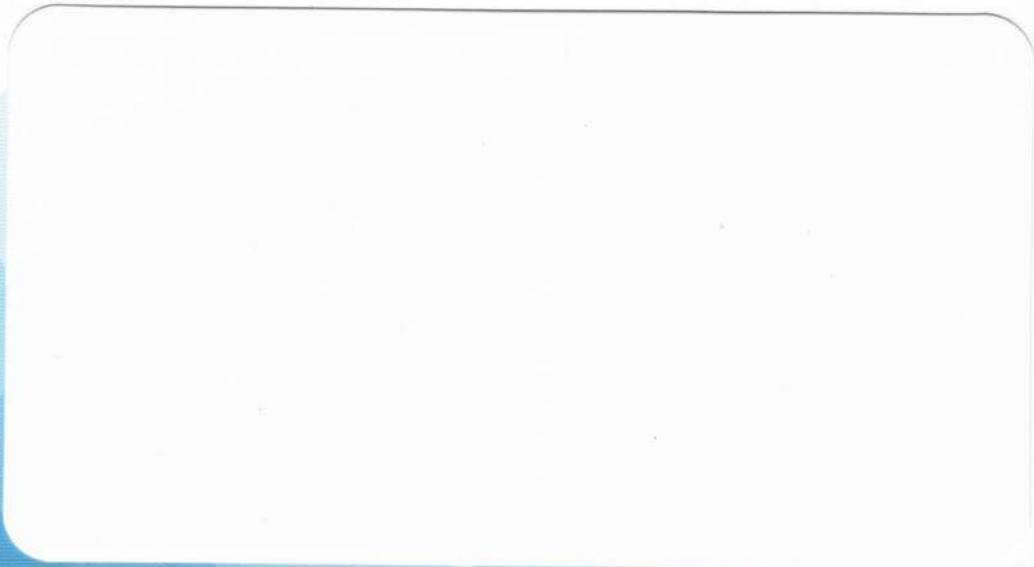
Người đại diện theo pháp luật
Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Như Ngọc



MOORE AISC



MỤC LỤC

---- oOo ----

| | Trang |
|--|---------|
| 1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 01 - 03 |
| 2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 04 - 05 |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 06 - 09 |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 10 |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 11 - 12 |
| 6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 13 - 36 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300716891, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông tăng vốn điều lệ lên 150.533.690.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 27 tháng 7 năm 2022.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục tiểu học; Giáo dục mẫu giáo; Giáo dục nhà trẻ; Đào tạo nghề; Giáo dục trung học chuyên nghiệp; Đào tạo trung cấp; Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở); Đào tạo ngoại ngữ, tin học; Tư vấn du học.

Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi.

Mua bán các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh, phần cuộn và cắt cuộn các mặt hàng giấy công nghiệp, giấy tiêu dùng, giấy cao cấp.

Sản xuất sản phẩm cơ khí, thủ công mỹ nghệ; Sản xuất điện tử; Sản xuất nhựa (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại-nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất mực in; Sản xuất giấy, các sản phẩm từ giấy, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa. Mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in. Dịch vụ thiết kế các thiết bị phục vụ sản xuất. Thiết kế thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyên giao công nghệ ngành giấy, ngành in. Chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất; Chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Gia công các sản phẩm kim loại.

Tên tiếng anh: SAI GON VIEN DONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: SAVITECH JSC.

Mã chứng khoán: SVT (Niêm yết HOSE).

Trụ sở chính: Số 102A, đường Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm có:

Hội đồng Quản trị

| | | |
|-----|---------------------|-------------------|
| Bà | Phạm Thị Như Ngọc | Chủ tịch HĐQT |
| Ông | Bùi Quang Khoa | Phó Chủ tịch HĐQT |
| Ông | Bùi Quang Minh | Thành viên |
| Bà | Lý Thị Ngọc Châu | Thành viên |
| Bà | Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

| | | |
|-----|----------------------|------------|
| Bà | Nguyễn Thị Thùy Tiên | Trưởng ban |
| Bà | Nguyễn Thị Kim Châu | Thành viên |
| Ông | Bùi Quang Toàn | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| | | |
|-----|---------------------|----------------------------|
| Ông | Bùi Quang Khoa | Tổng Giám đốc |
| Bà | Nguyễn Thị Thanh Hà | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông | Bùi Quang Minh | Giám đốc đầu tư phát triển |
| Bà | Mai Thị Trúc Giang | Kế toán trưởng |

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

| | | |
|----|-------------------|----------------------------|
| Bà | Phạm Thị Như Ngọc | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
|----|-------------------|----------------------------|

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (“Moore AISC”) được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



Phạm Thị Như Ngọc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Số: A.0623256-SXR/MOORE AISC-DN6

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của **Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông** (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



.....
Lê Hùng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3174-2020-005-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|---|--------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 35.919.005.927 | 70.623.411.953 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 1.082.881.875 | 5.467.092.003 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.082.881.875 | 5.467.092.003 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 34.829.299.052 | 65.147.019.950 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 10.997.985.280 | 33.056.096.320 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 351.639.800 | 76.225.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4a | 20.500.000.000 | 30.400.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 3.005.673.972 | 1.640.698.630 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.3,5 | (26.000.000) | (26.000.000) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6.825.000 | 9.300.000 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 6.825.000 | 9.300.000 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|---|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 181.106.459.591 | 139.223.303.385 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 8.200.000.000 | 8.200.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.4b | 8.200.000.000 | 8.200.000.000 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 157.012.034 | 204.408.824 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.6 | 157.012.034 | 204.408.824 |
| - Nguyên giá | 222 | | 4.890.412.298 | 4.890.412.298 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (4.733.400.264) | (4.686.003.474) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.7 | 12.437.805.270 | 12.866.695.110 |
| - Nguyên giá | 231 | | 22.865.196.201 | 22.865.196.201 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (10.427.390.931) | (9.998.501.091) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.218.818.678 | 834.212.730 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.8 | 1.218.818.678 | 834.212.730 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2 | 158.824.482.652 | 116.792.322.652 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 139.074.660.000 | 97.042.500.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 19.749.822.652 | 19.749.822.652 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 268.340.957 | 325.664.069 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 268.340.957 | 325.664.069 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 217.025.465.518 | 209.846.715.338 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|---|------------|-------------|----------------------|----------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.319.747.127 | 1.351.433.783 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.319.747.127 | 1.351.433.783 |
| 1. Phải trả cho người bán ngắn hạn | 311 | | 189.264.321 | 3.116.503 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.9 | 173.092.331 | 540.088.663 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 70.830.723 | 130.275.000 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 69.855.735 | 29.000.000 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.10 | 27.205.319 | 11.904.919 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 789.498.698 | 637.048.698 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 215.705.718.391 | 208.495.281.555 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.11 | 215.705.718.391 | 208.495.281.555 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 150.533.690.000 | 150.533.690.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 150.533.690.000 | 150.533.690.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 4.800.000.000 | 4.800.000.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 5.350.969.208 | 5.350.969.208 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 55.021.059.183 | 47.810.622.347 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 47.610.622.347 | 22.968.272.131 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 7.410.436.836 | 24.842.350.216 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 217.025.465.518 | 209.846.715.338 |



Mai Thị Trúc Giang
Người lập biểu và Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Phạm Thị Như Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2022 |
|---|-----------|-------------|----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 38.021.722.418 | 83.825.261.255 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 38.021.722.418 | 83.825.261.255 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 36.802.810.828 | 81.790.178.374 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 1.218.911.590 | 2.035.082.881 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 8.117.827.555 | 10.965.073.803 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | 4.005.969 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.4a | 97.219.245 | 93.405.120 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.4b | 1.684.911.231 | 1.058.350.885 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)) | 30 | | 7.554.608.669 | 11.844.394.710 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 2 | 110.193.602 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 1 | 600.000 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 1 | 109.593.602 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 7.554.608.670 | 11.953.988.312 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.6 | 144.171.834 | 454.411.812 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 7.410.436.836 | 11.499.576.500 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7 | 492 | 993 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.7 | 492 | 993 |



Mai Thị Trúc Giang
Người lập biểu và Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Phạm Thị Như Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2022 |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 7.554.608.670 | 11.953.988.312 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.6,7 | 476.286.630 | 476.286.630 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (8.117.827.555) | (11.062.273.353) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (86.932.255) | 1.368.001.589 |
| - Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu | 09 | | 22.402.696.240 | (30.946.941.705) |
| - Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho | 10 | | - | - |
| - Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | | 82.604.037 | 12.231.860.221 |
| - Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước | 12 | | 59.798.112 | 1.719.314 |
| - Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.9 | (410.912.527) | (306.360.738) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (47.550.000) | (643.550.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 21.999.703.607 | (18.295.271.319) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | (384.605.948) | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | - | 106.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (8.200.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 9.900.000.000 | 3.300.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (42.032.160.000) | (6.318.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 6.132.852.213 | 30.014.872.191 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (26.383.913.735) | 18.902.872.191 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2022 |
|--|-----------|-------------|------------------------|----------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40) | 50 | | (4.384.210.128) | 607.600.872 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 5.467.092.003 | 332.819.992 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | V.1 | 1.082.881.875 | 940.420.864 |

Mai Thị Trúc Giang
Người lập biểu và Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Phạm Thị Như Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300716891, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông tăng vốn điều lệ lên 150.533.690.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 27 tháng 7 năm 2022.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: SAI GON VIEN DONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: SAVITECH JSC.

Mã chứng khoán: SVT (Niêm yết HOSE).

Trụ sở chính: Số 102A, đường Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp; Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính trong kỳ

Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục tiểu học; Giáo dục mẫu giáo; Giáo dục nhà trẻ; Đào tạo nghề; Giáo dục trung học chuyên nghiệp; Đào tạo trung cấp; Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở); Đào tạo ngoại ngữ, tin học; Tư vấn du học.

Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi.

Mua bán các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh, phần cuộn và cắt cuộn các mặt hàng giấy công nghiệp, giấy tiêu dùng, giấy cao cấp.

Sản xuất sản phẩm cơ khí, thủ công mỹ nghệ; Sản xuất điện tử; Sản xuất nhựa (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại-nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất mực in; Sản xuất giấy, các sản phẩm từ giấy, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa. Mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in. Dịch vụ thiết kế các thiết bị phục vụ sản xuất. Thiết kế thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyển giao công nghệ ngành giấy, ngành in. Chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất; Chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Gia công các sản phẩm kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2023: 10 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 nhân viên)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Cấu trúc doanh nghiệp**7.1 Danh sách các công ty liên kết**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có hai (02) công ty liên kết như sau:

| Tên Công ty và địa chỉ | Hoạt động chính | Giá trị vốn góp | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|--|-----------------|--------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | Mua bán các loại giấy công nghiệp, giấy xuất bản, giấy văn phòng, giấy mỹ thuật và các loại giấy chuyên dụng khác. | 113.496.660.000 | 35,77% | 35,77% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt | Giáo dục và đào tạo | 25.578.000.000 | 30,00% | 30,00% |

7.2 Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh Học Môn: 3/19 ấp Đình, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các năm tài chính tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**Khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định****4.1 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

4.2 Phương pháp khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các Tài sản cố định như sau:

| | |
|---------------------------------|------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 5 - 10 năm |

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí khảo sát địa chất, chi phí tư vấn, chi phí lập bản vẽ.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư:** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.**Nguyên giá của bất động sản đầu tư:** Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.**Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư:** khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.**Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:**

| | |
|--------------------------|------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
|--------------------------|------------|

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

BCC phân chia lợi nhuận

BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là BCC nhưng bản chất của hợp đồng là thuê tài sản, do đó Công ty ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính, bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ.

Phương pháp phân bổ: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng đến 36 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí kiểm toán, chi phí thuê văn phòng đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng.

11. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó Công ty thực hiện việc trích lập các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định (thông tư) của Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành và thay đổi theo từng thời điểm trong năm 2023.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023, Công ty xác định thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

17. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

20. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động kinh doanh thực hiện trên cùng lãnh thổ Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền | 1.082.881.875 | 5.467.092.003 |
| Tiền mặt | 304.193 | 326.193 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.082.577.682 | 5.466.765.810 |
| Cộng | 1.082.881.875 | 5.467.092.003 |

2. Các khoản đầu tư tài chính: xem trang 32-33.

| 3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 30/6/2023 | | 01/01/2023 | |
|--|-----------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.3) | 3.984.093.300 | - | 11.715.811.920 | - |
| Công ty Cổ phần Tac Paritas | 6.992.891.980 | - | 9.580.656.400 | - |
| Công ty TNHH Sản xuất Công Nghiệp Thương mại Trâm Anh | - | - | 11.738.628.000 | - |
| Khách hàng khác | 21.000.000 | (21.000.000) | 21.000.000 | (21.000.000) |
| Cộng | 10.997.985.280 | (21.000.000) | 33.056.096.320 | (21.000.000) |

| 4. Phải thu về cho vay | 30/6/2023 | | 01/01/2023 | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a. Ngắn hạn | 20.500.000.000 | - | 30.400.000.000 | - |
| Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.3) (1) | 10.300.000.000 | - | 20.200.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tac Paritas (2) | 10.200.000.000 | - | 10.200.000.000 | - |
| b. Dài hạn | 8.200.000.000 | - | 8.200.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tac Paritas (2) | 8.200.000.000 | - | 8.200.000.000 | - |
| Cộng | 28.700.000.000 | - | 38.600.000.000 | - |

(1) Khoản cho Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội vay trong thời gian 01 năm kể từ ngày giải ngân để kinh doanh xuất nhập khẩu giấy thương mại với lãi suất tối thiểu 7%/năm trên số tiền cho vay theo các hợp đồng cho vay vốn kinh doanh. Các khoản cho vay này đều được thu lãi định kỳ và đầy đủ. Trong kỳ, các hợp đồng vay đến hạn đều tiếp tục gia hạn và giữ nguyên các điều khoản ban đầu. Tài sản đảm bảo: tín chấp. Số dư tại ngày 30/6/2023 là 20.500.000.000 VND.

(2) Khoản cho Công ty Cổ phần Tac Paritas vay trong thời gian 01 đến 02 năm kể từ ngày giải ngân để kinh doanh xuất nhập khẩu giấy thương mại với lãi suất tối thiểu 7%/năm trên số tiền cho vay theo các hợp đồng cho vay vốn kinh doanh. Các khoản cho vay này đều được thu lãi định kỳ và đầy đủ. Tài sản đảm bảo: tín chấp. Số dư tại ngày 30/6/2023 là 8.200.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| 5. Phải thu khác ngắn hạn | 30/6/2023 | | 01/01/2023 | |
|---|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 10.000.000 | - | - | - |
| Ký quỹ | 5.000.000 | (5.000.000) | 5.000.000 | (5.000.000) |
| Phải thu khác | 2.990.673.972 | - | 1.635.698.630 | - |
| <i>Phải thu khác là các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.3)</i> | 2.669.556.164 | - | 986.405.480 | - |
| <i>Đối tượng khác</i> | 321.117.808 | - | 649.293.150 | - |
| Cộng | 3.005.673.972 | (5.000.000) | 1.640.698.630 | (5.000.000) |

6. Tài sản cố định hữu hình: Xem trang 34.

7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

| Khoản mục | Nhà cửa | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|-------------------------------|----------------|---------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu kỳ | 21.444.491.910 | 1.420.704.291 | 22.865.196.201 |
| Số dư cuối kỳ | 21.444.491.910 | 1.420.704.291 | 22.865.196.201 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu kỳ | 8.577.796.800 | 1.420.704.291 | 9.998.501.091 |
| <i>Khấu hao trong kỳ</i> | 428.889.840 | - | 428.889.840 |
| Số dư cuối kỳ | 9.006.686.640 | 1.420.704.291 | 10.427.390.931 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu kỳ | 12.866.695.110 | - | 12.866.695.110 |
| Số dư cuối kỳ | 12.437.805.270 | - | 12.437.805.270 |

(*) Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, địa chỉ số 252 Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh được dùng để thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực theo hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 25/2016/2317695/HĐBĐ. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 30/6/2023 là 12.437.805.270 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| 8. Tài sản dở dang dài hạn | 30/6/2023 | | 01/01/2023 | |
|---|----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 1.218.818.678 | - | 834.212.730 | - |
| Trường Việt Mỹ - khối nhà số 2 tại địa chỉ số 252 Lạc Long Quân (*) | 941.383.878 | - | 834.212.730 | - |
| Trường tiểu học và trung học Việt Mỹ tại địa chỉ số 890 Trần Hưng Đạo | 277.434.800 | - | - | - |
| Cộng | 1.218.818.678 | - | 834.212.730 | - |

(*) Công trình này đang trong giai đoạn chờ xét duyệt các hồ sơ pháp lý của cơ quan có thẩm quyền và hồ sơ kiểm định chất lượng hiện trạng công trình để có phương án đầu tư xây dựng cụ thể.

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| Phải trả | 01/01/2023 | Số phải nộp | Số đã thực nộp | 30/6/2023 |
|----------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| | | trong kỳ | trong kỳ | |
| Thuế giá trị gia tăng | 115.309.636 | 114.535.919 | 217.059.006 | 12.786.549 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 410.912.527 | 144.171.834 | 410.912.527 | 144.171.834 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 13.866.500 | 53.851.906 | 60.042.406 | 7.676.000 |
| Các loại thuế khác | - | 11.457.948 | 3.000.000 | 8.457.948 |
| Cộng | 540.088.663 | 324.017.607 | 691.013.939 | 173.092.331 |

| 10. Phải trả khác | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Ngắn hạn | | |
| Kinh phí công đoàn | 9.128.000 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 18.077.319 | 11.904.919 |
| - Thù lao HĐQT, BKS | 473.000 | 473.000 |
| - Khác | 17.604.319 | 11.431.919 |
| Cộng | 27.205.319 | 11.904.919 |

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang 35.

| b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu | Tỷ lệ vốn góp | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
|--|---------------|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông | 33,27% | 50.084.410.000 | 50.084.410.000 |
| Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lục | 7,40% | 11.144.860.000 | 11.144.860.000 |
| Bà Lê Thị Minh Giang | 5,39% | 8.109.090.000 | 8.109.090.000 |
| Các cổ đông khác | 53,94% | 81.195.330.000 | 81.195.330.000 |
| Cộng | 100,0% | 150.533.690.000 | 150.533.690.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

| | 6 tháng đầu năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2022 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức | | |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 150.533.690.000 | 115.795.740.000 |
| <i>Vốn góp đầu kỳ</i> | 150.533.690.000 | 115.795.740.000 |
| <i>Vốn góp cuối kỳ</i> | 150.533.690.000 | 115.795.740.000 |
| Cổ tức đã chia | - | - |
| d. Cổ tức | 6 tháng đầu năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2022 |
| Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán | | |
| <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường</i> | 15% | 30% |
| e. Cổ phiếu | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 15.053.369 | 15.053.369 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 15.053.369 | 15.053.369 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 15.053.369 | 15.053.369 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 15.053.369 | 15.053.369 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 15.053.369 | 15.053.369 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu. | 10.000 | 10.000 |
| f. Các quỹ của doanh nghiệp | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 5.350.969.208 | 5.350.969.208 |
| Cộng | 5.350.969.208 | 5.350.969.208 |
| <i>Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.</i> | | |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | 6 tháng đầu năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2022 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu bán hàng hóa | 36.658.086.056 | 82.461.624.893 |
| Doanh thu cho thuê bất động sản | 1.363.636.362 | 1.363.636.362 |
| Cộng | 38.021.722.418 | 83.825.261.255 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 6 tháng đầu năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2022 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 36.332.398.534 | 81.319.766.080 |
| Giá vốn cho thuê bất động sản | 470.412.294 | 470.412.294 |
| Cộng | 36.802.810.828 | 81.790.178.374 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| | 6 tháng đầu năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2022 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.110.078.055 | 1.208.093.803 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 7.007.749.500 | 9.756.980.000 |
| Cộng | 8.117.827.555 | 10.965.073.803 |
| 4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| a. Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí nhân viên | 82.886.961 | 77.029.857 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 14.332.284 | 14.332.284 |
| Chi phí bằng tiền khác | - | 2.042.979 |
| Cộng | 97.219.245 | 93.405.120 |
| b. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí nhân viên | 1.302.318.963 | 795.408.690 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 63.480.230 | 5.811.738 |
| Thuế, phí, lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 316.112.038 | 254.079.709 |
| Chi phí bằng tiền khác | - | 50.748 |
| Cộng | 1.684.911.231 | 1.058.350.885 |
| 5. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố | | |
| Chi phí nhân công | 1.385.205.924 | 872.438.547 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 476.286.630 | 476.286.630 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 316.112.038 | 254.079.709 |
| Chi phí khác bằng tiền | 74.938.178 | 10.905.465 |
| Cộng | 2.252.542.770 | 1.613.710.351 |
| 6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| 1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 7.554.608.670 | 11.953.988.312 |
| 2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (6.833.749.500) | (9.681.929.252) |
| Các khoản điều chỉnh tăng: | 174.000.000 | 75.050.748 |
| - Thu lao HĐQT không tham gia điều hành | 168.000.000 | 56.000.000 |
| - Các khoản chi phí trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.000.000 | 19.050.748 |
| Các khoản điều chỉnh giảm: | 7.007.749.500 | 9.756.980.000 |
| - Thu nhập từ cổ tức | 7.007.749.500 | 9.756.980.000 |
| 3. Thu nhập chịu thuế kỳ này | 720.859.170 | 2.272.059.060 |
| 4. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 144.171.834 | 454.411.812 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

(*) Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

| | 6 tháng đầu năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2022 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.410.436.836 | 11.499.576.500 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm (*) | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 7.410.436.836 | 11.499.576.500 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 15.053.369 | 11.579.574 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 492 | 993 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**) | 492 | 993 |

(*) Các chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính chưa trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do số liệu quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các chỉ tiêu này sẽ được điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

(**) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

8. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

8.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)*Độ nhạy đối với lãi suất*

Độ nhạy của các khoản tiền, khoản cho vay của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền, cho vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

Rủi ro lãi suất

| | Tăng/ giảm điểm cơ bản | Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------|
| Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 | | |
| VND | +100 | 297.828.819 |
| | -100 | (297.828.819) |
| Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 | | |
| VND | +100 | 395.404.209 |
| | -100 | (395.404.209) |

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

8.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Các khoản cho vay

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ cho các Công ty thành viên vay tiền với hạn mức, thời gian cho vay và mục đích vay được quy định trong Quy chế tài chính và trong từng hợp đồng cụ thể. Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu về cho vay là thấp.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

| Ngày 30 tháng 6 năm 2023 | Dưới 1 năm | Từ 1-5 năm | Trên 5 năm | Tổng cộng |
|---|--------------------|------------|------------|--------------------|
| Phải trả người bán | 189.264.321 | - | - | 189.264.321 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác, chi phí phải trả | 69.855.735 | - | - | 69.855.735 |
| Cộng | 259.120.056 | - | - | 259.120.056 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2022 | | | | |
| Phải trả người bán | 3.116.503 | - | - | 3.116.503 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác, chi phí phải trả | 29.000.000 | - | - | 29.000.000 |
| Cộng | 32.116.503 | - | - | 32.116.503 |

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng tài sản trên đất để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (Bên liên quan) tại ngân hàng (Thuyết minh số V.7 - Bất động sản đầu tư).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào Ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Xem trang 36.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu về cho vay, các khoản phải trả người bán, nợ phải trả khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 7 năm 2023, thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài chính 2022 cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2023. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành 173.113.640.000 VND. Thời gian dự kiến phát hành là quý 3 năm 2023.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Giao dịch với các bên liên quan

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|--|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | Cổ đông lớn và là Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội | Đầu tư dài hạn |
| Công ty Cổ phần Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ | Đầu tư dài hạn |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch Vụ Văn Hóa Tây Đô | Đầu tư dài hạn |
| Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | Đầu tư dài hạn |
| Công ty Cổ phần Chè Cà Phê Di Linh | Đầu tư dài hạn |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông | Cổ đông lớn và là Công ty cùng Ban điều hành |

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | 6 tháng đầu năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2022 |
|---|------------------|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt | Công ty liên kết | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 218.181.816 | 218.181.816 |
| | | Thu tiền cung cấp dịch vụ | 240.000.000 | 200.000.000 |
| | | Mua thêm cổ phần | - | 6.318.000.000 |
| | | Cổ tức được chia | 5.475.600.000 | - |
| | | Thu tiền cổ tức | 3.275.600.000 | - |
| Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | Công ty liên kết | Mua hàng | 36.332.398.534 | 60.760.940.580 |
| | | Trả tiền hàng | 39.965.638.387 | 65.238.203.636 |
| | | Mua thêm cổ phần | 42.032.160.000 | - |
| | | Cổ tức được chia | - | 5.494.400.000 |
| | | Thu tiền cổ tức | - | 19.524.800.000 |
| Công ty Cổ phần Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ | Đầu tư dài hạn | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.145.454.546 | 1.145.454.546 |
| | | Thu tiền cung cấp dịch vụ | 1.890.000.000 | 1.260.000.000 |
| | | Cổ tức được chia | 1.420.860.000 | 4.262.580.000 |
| | | Thu tiền cổ tức | 1.420.860.000 | 9.235.590.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | 6 tháng đầu năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2022 |
|--|--------------------|---------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch Vụ Văn Hóa Tây Đô | Đầu tư dài hạn | Bán hàng hóa | - | 10.124.136.000 |
| | | Thu tiền hàng | 11.715.811.920 | - |
| Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội | Đầu tư dài hạn | Thu nợ cho vay | 9.900.000.000 | 2.300.000.000 |
| | | Lãi cho vay | 469.556.164 | 749.709.589 |
| | | Thu lãi cho vay | 356.405.480 | 974.999.999 |
| | | Bán hàng hóa | 20.968.811.238 | 42.116.813.993 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông | Cùng Ban điều hành | Thu tiền hàng | 19.081.599.062 | 38.299.928.882 |
| | | Mua hàng | - | 20.558.825.500 |
| | | Trả tiền hàng | - | 10.085.931.540 |

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan:

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------------|
| Phải thu khách hàng | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
| Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội | 3.984.093.300 | - |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch Vụ Văn Hóa Tây Đô | - | 11.715.811.920 |
| Cộng | 3.984.093.300 | 11.715.811.920 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
| Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội | 10.300.000.000 | 20.200.000.000 |
| Cộng | 10.300.000.000 | 20.200.000.000 |
| Phải thu khác | 30/6/2023 | 01/01/2023 |
| Công ty Cổ phần Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ | - | 630.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt | 2.200.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội | 469.556.164 | 356.405.480 |
| Cộng | 2.669.556.164 | 986.405.480 |
| Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát chi trả trong 6 tháng đầu năm 2023 | | 6 tháng đầu năm 2023 |
| Chủ tịch Hội đồng Quản trị | | 120.000.000 |
| Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị | | 48.000.000 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị (3TV) | | 72.000.000 |
| Trưởng ban kiểm soát | | 30.000.000 |
| Thành viên ban kiểm soát (2TV) | | 36.000.000 |
| Cộng | | 306.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc chi trả trong 6 tháng đầu năm 2023

6 tháng đầu năm 2023

Bùi Quang Khoa - Tổng Giám đốc

141.600.000

Nguyễn Thị Thanh Hà - Phó Tổng Giám đốc

125.740.000

Nhóm người quản lý khác

95.000.000

Cộng**362.340.000****4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Tại Ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Kinh doanh giấy thương mại; cho thuê kho, mặt bằng. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo bộ phận như sau:

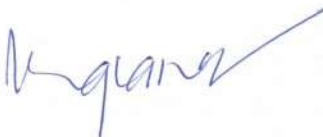
| Bộ phận | Doanh thu thuần | Giá vốn | Lãi gộp |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| Kinh doanh giấy thương mại | 36.658.086.056 | 36.332.398.534 | 325.687.522 |
| Cho thuê kho, mặt bằng (BCC) | 1.363.636.362 | 470.412.294 | 893.224.068 |
| Cộng | 38.021.722.418 | 36.802.810.828 | 1.218.911.590 |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Kinh doanh giấy thương mại; cho thuê kho, mặt bằng. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo bộ phận như sau:

| Bộ phận | Doanh thu thuần | Giá vốn | Lãi gộp |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| Kinh doanh giấy thương mại | 82.461.624.893 | 81.319.766.080 | 1.141.858.813 |
| Cho thuê kho, mặt bằng (BCC) | 1.363.636.362 | 470.412.294 | 893.224.068 |
| Cộng | 83.825.261.255 | 81.790.178.374 | 2.035.082.881 |

4.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Công ty chỉ có trụ sở tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy, công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.


Mai Thị Trúc Giang
Người lập biểu và Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2023



Phạm Thị Như Ngọc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

V.2. Các khoản đầu tư tài chính
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

01/01/2023

30/6/2023

| | Số lượng (tỷ lệ) | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Số lượng (tỷ lệ) | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
|---|--------------------------|------------------------|----------|------------------------|--------------------------|------------------------|----------|------------------------|
| Đầu tư vào công ty liên kết | | 139.074.660.000 | - | 139.074.660.000 | | 97.042.500.000 | - | 97.042.500.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt (a) | 2.737.800 CP (30,00%) | 25.578.000.000 | - | 25.578.000.000 | 2.737.800 CP (30,00%) | 25.578.000.000 | - | 25.578.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (b) | 8.241.600 CP (35,77%) | 113.496.660.000 | - | 113.496.660.000 | 5.494.400 CP (35,77%) | 71.464.500.000 | - | 71.464.500.000 |
| Đầu tư vào đơn vị khác | | 19.749.822.652 | - | 19.749.822.652 | | 19.749.822.652 | - | 19.749.822.652 |
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng (c) | 34.506 CP (1,77%) | 1.215.000.000 | - | 1.215.000.000 | 34.506 CP (1,77%) | 1.215.000.000 | - | 1.215.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Chè Cà Phê Di Linh (d) | 20.000 CP (0,90%) | 600.432.652 | - | 600.432.652 | 20.000 CP (0,90%) | 600.432.652 | - | 600.432.652 |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô (e) | 222.579 CP (4,95%) | 2.225.790.000 | - | 2.225.790.000 | 222.579 CP (4,95%) | 2.225.790.000 | - | 2.225.790.000 |
| - Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương Mại Khánh Hội (f) | 150.000 CP (4,7%) | 1.500.000.000 | - | 1.500.000.000 | 150.000 CP (4,7%) | 1.500.000.000 | - | 1.500.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ (g) | 1.420.860 CP (15,79%) | 14.208.600.000 | - | 14.208.600.000 | 1.420.860 CP (15,79%) | 14.208.600.000 | - | 14.208.600.000 |
| Cộng | | 158.824.482.652 | - | 158.824.482.652 | | 116.792.322.652 | - | 116.792.322.652 |

- **Tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong kỳ:**

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306213397 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Giáo Dục Hoàng Việt là 2.737.800 cổ phiếu, tương đương 30% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023: Công ty hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305623305 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2008 và thay đổi lần 08 ngày 09 tháng 6 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực là 8.241.600 cổ phiếu, tương đương 35,77% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023: Công ty hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIÊN ĐỒNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

- *Tình hình hoạt động của công ty đầu tư dài hạn trong kỳ:*

- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800468371 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng là 34.506 cổ phiếu, tương đương 1,77% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023: Công ty hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800468981 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh là 20.000 cổ phiếu, tương đương 0,90% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023: Công ty hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.
- (e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800531192 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô là 222.579 cổ phiếu, tương đương 4,95% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023: Công ty hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.
- (f) Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0300494021 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương Mại Khánh Hội là 150.000 cổ phiếu, tương đương 4,7% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023: Công ty hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.
- (g) Theo giấy chứng nhận kinh doanh số 0305072778 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2007, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ là 1.420.860 cổ phiếu, tương đương 15,79% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023: Công ty hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.
- Giá trị hợp lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 của các khoản đầu tư vào công ty liên kết, các Công ty này chưa niêm yết nên chưa có giá tham chiếu tin cậy trên thị trường, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán. Do vậy, Công ty trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư xác định bằng tỷ lệ phần trăm sở hữu trong tổng giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết tại ngày báo cáo.
- Giá trị hợp lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 của các khoản đầu tư dài hạn khác vào các Công ty chưa niêm yết nên chưa có giá tham chiếu tin cậy trên thị trường, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán. Do vậy, Công ty trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư theo giá gốc ban đầu có điều chỉnh khoản suy giảm đầu tư (nếu có) và thuyết minh rõ tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. Tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Tổng cộng |
|-------------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------------|---------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 4.623.076.544 | 92.780.000 | 174.555.754 | 4.890.412.298 |
| Số dư cuối kỳ | 4.623.076.544 | 92.780.000 | 174.555.754 | 4.890.412.298 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 4.418.667.720 | 92.780.000 | 174.555.754 | 4.686.003.474 |
| <i>Khấu hao trong kỳ</i> | 47.396.790 | - | - | 47.396.790 |
| Số dư cuối kỳ | 4.466.064.510 | 92.780.000 | 174.555.754 | 4.733.400.264 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 204.408.824 | - | - | 204.408.824 |
| Số dư cuối kỳ | 157.012.034 | - | - | 157.012.034 |

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.281.186.162 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIÊN ĐỒNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| Khoản mục | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu tại ngày 01/01/2022 | 115.795.740.000 | 4.800.000.000 | 5.350.969.208 | 58.236.222.131 | 184.182.931.339 |
| - Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2022 | - | - | - | 11.499.576.500 | 11.499.576.500 |
| - Trích quỹ KTPL năm 2021 | - | - | - | (200.000.000) | (200.000.000) |
| - Thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát năm 2021 | - | - | - | (330.000.000) | (330.000.000) |
| Số dư cuối tại ngày 30/6/2022 | 115.795.740.000 | 4.800.000.000 | 5.350.969.208 | 69.205.798.631 | 195.152.507.839 |
| Số dư đầu tại ngày 01/01/2023 | 150.533.690.000 | 4.800.000.000 | 5.350.969.208 | 47.810.622.347 | 208.495.281.555 |
| - Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2023 | - | - | - | 7.410.436.836 | 7.410.436.836 |
| - Trích quỹ KTPL năm 2022 | - | - | - | (200.000.000) | (200.000.000) |
| Số dư cuối tại ngày 30/06/2023 | 150.533.690.000 | 4.800.000.000 | 5.350.969.208 | 55.021.059.183 | 215.705.718.391 |

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|--------------------------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 30/6/2023 | Dự phòng | Giá trị | 31/12/2022 | 30/6/2023 | 31/12/2022 |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng | | |
| Tài sản tài chính | | | | | | |
| - Phải thu khách hàng | 10.997.985.280 | (21.000.000) | 33.056.096.320 | (21.000.000) | 10.976.985.280 | 33.035.096.320 |
| - Phải thu về cho vay | 28.700.000.000 | - | 38.600.000.000 | - | 28.700.000.000 | 38.600.000.000 |
| - Phải thu khác | 2.205.000.000 | (5.000.000) | 635.000.000 | (5.000.000) | 2.200.000.000 | 630.000.000 |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.082.881.875 | - | 5.467.092.003 | - | 1.082.881.875 | 5.467.092.003 |
| TỔNG CỘNG | 42.985.867.155 | (26.000.000) | 77.758.188.323 | (26.000.000) | 42.959.867.155 | 77.732.188.323 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | | | |
| - Phải trả người bán | 189.264.321 | - | 3.116.503 | - | 189.264.321 | 3.116.503 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 69.855.735 | - | 29.000.000 | - | 69.855.735 | 29.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 259.120.056 | - | 32.116.503 | - | 259.120.056 | 32.116.503 |

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

